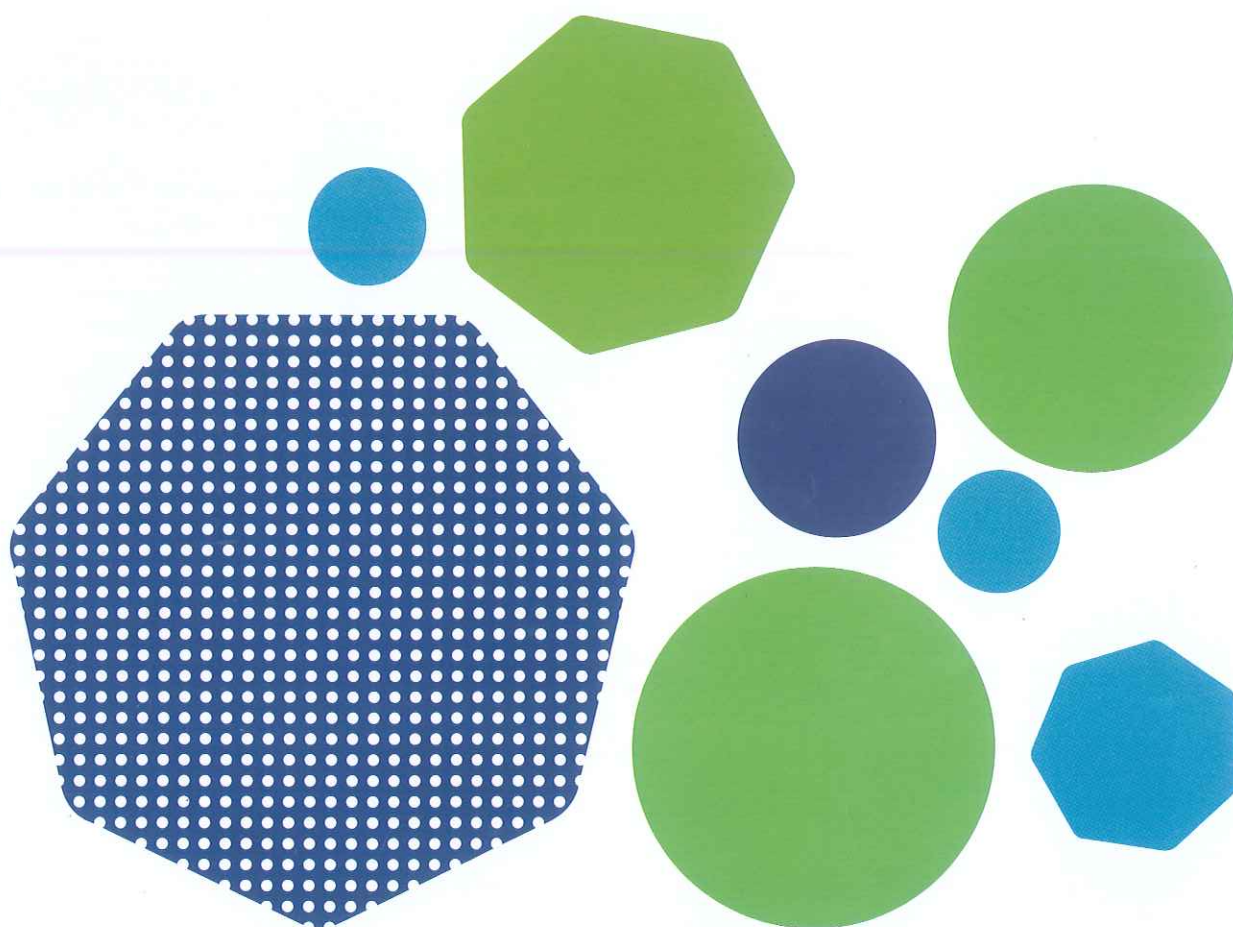


**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**



---

Tháng 03 năm 2022

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 40

## CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Merufa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 từ trang 07 đến trang 40.

#### KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Merufa, tiền thân là Xí nghiệp Cao su Y tế - trực thuộc Bộ Y tế được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478598 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2003, và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05/01/2018.

Công ty có trụ sở và chi nhánh như sau:

- Trụ sở chính: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà máy sản xuất: Lô C64/II, đường số 8, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Merufa tại Hà Nội: Số 1 ngõ 120, Đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Ngày 05/12/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 985/QĐ-SGDHN và Thông báo 159/TB-SDGHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Merufa trên thị trường UPCoM với số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 3.675.404 cổ phiếu. Ngày giao dịch đầu tiên trên sàn UPCoM là ngày 12/12/2017.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Sản xuất và mua bán các sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại... dùng trong y tế, trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; dụng cụ dùng cho ngành thú y, chăn nuôi (không sản xuất nhựa, cao su, kim loại trong khu dân cư tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh; Mua bán vật tư các loại, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại; kinh doanh bất động sản; sản xuất, mua bán mỹ phẩm.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Văn Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/04/2021
Ông Lưu Tiến Cáo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2021
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2021
Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2021
Ông Vũ Chinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2021
Ông Phạm Xuân Mai	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2021
Ông Phạm Kim Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2021
Bà Trần Thị Thanh Thúy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2021

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Lưu Tiến Cáo	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Kim Hậu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/04/2021
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2021
Bà Trương Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2021
Bà Hồ Thị Quế	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2021

Kế toán trưởng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và cho đến ngày lập Báo cáo này là Bà Lê Vĩnh San San.

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Văn Minh và Ông Lưu Tiến Cáo.

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lưu Tiên Cáo**  
**Tổng Giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2022*

Số: 009 /2022/UHYHCM-BCKTĐL

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Merufa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Merufa (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2022, trình bày từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Merufa tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 23.2 Thuyết minh Báo cáo tài chính về việc Công ty thu lại khoản thưởng kinh doanh vượt Lợi nhuận kế hoạch năm 2020 cho Ban điều hành và Cán bộ công nhân viên với tổng giá trị là 2.100.146.254 đồng do chi chưa đúng quy định theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 27/08/2021. Khoản phải thu này sẽ được Công ty xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông xử lý trong cuộc họp thường niên năm 2022.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 1496-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP HỒ CHÍ MINH**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2022*

**Nguyễn Thị Thùy Trang**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 4710-2019-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>116.558.402.630</b>	<b>93.945.770.724</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>7.323.331.310</b>	<b>8.942.179.095</b>
Tiền	111		7.323.331.310	8.942.179.095
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>41.891.565.317</b>	<b>46.617.754.380</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	32.646.247.123	18.042.179.867
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	7.167.815.199	27.974.633.729
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	43.500.000	456.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	2.361.320.857	998.814.015
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6, 7	(327.317.862)	(853.873.231)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>62.553.738.859</b>	<b>36.837.298.396</b>
Hàng tồn kho	141		65.092.868.551	37.409.956.867
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.539.129.692)	(572.658.471)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.789.767.144</b>	<b>1.548.538.853</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	739.195.377	151.866.248
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.050.571.767	1.396.672.605
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>48.021.626.408</b>	<b>36.420.426.432</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>246.554.794</b>	<b>137.000.000</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	1.226.464.300	14.884.300
Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	51.960.000	51.960.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	-	61.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	251.486.794	76.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.283.356.300)	(66.844.300)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>36.504.277.352</b>	<b>30.133.215.460</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	17.956.283.865	19.829.328.884
- Nguyên giá	222		72.066.470.234	78.434.805.094
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.110.186.369)	(58.605.476.210)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	16	8.628.100.707	-
- Nguyên giá	225		8.774.339.702	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(146.238.995)	-
Tài sản cố định vô hình	227	13	9.919.892.780	10.303.886.576
- Nguyên giá	228		13.268.647.658	13.268.647.658
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.348.754.878)	(2.964.761.082)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.840.097.061</b>	<b>4.460.088.087</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	7.840.097.061	4.460.088.087
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>196.800.000</b>	<b>196.800.000</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		196.800.000	196.800.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.233.897.201</b>	<b>1.493.322.885</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.233.897.201	1.493.322.885
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>164.580.029.038</b>	<b>130.366.197.156</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>70.048.016.867</b>	<b>52.548.145.723</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>59.812.895.593</b>	<b>47.967.647.174</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	4.982.760.130	2.931.694.624
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	2.436.076.766	16.042.925.007
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	2.606.023.851	1.224.139.205
Phải trả người lao động	314		7.479.052.640	3.494.405.599
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.780.637.416	1.562.224.157
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.100.266.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	540.892.480	513.730.906
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	34.221.586.488	18.617.218.928
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.665.599.822	3.581.308.748
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.235.121.274</b>	<b>4.580.498.549</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18	499.970.469	453.970.469
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	9.735.150.805	4.126.528.080
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>94.532.012.171</b>	<b>77.818.051.433</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>94.497.679.382</b>	<b>77.783.718.644</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.754.040.000	36.754.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.754.040.000	36.754.040.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.252.024.500	1.252.024.500
Cổ phiếu quỹ	415		(38.000.000)	(38.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		23.176.148.641	23.176.148.641
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.894.379.103	1.417.886.256
Lợi nhuận sau thuế chưa phân	421		31.459.087.138	15.221.619.247
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.735.402.745	2.209.986.299
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		23.723.684.393	13.011.632.948
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>34.332.789</b>	<b>34.332.789</b>
Nguồn kinh phí	431		34.332.789	34.332.789
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>164.580.029.038</b>	<b>130.366.197.156</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập



Lê Vĩnh San San

Kế toán trưởng



Lê Vĩnh San San

Tổng Giám đốc



Lưu Tiến Cào

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>284.974.232.094</b>	<b>197.825.665.853</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	463.350.000	226.480.000
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>284.510.882.094</b>	<b>197.599.185.853</b>
Giá vốn hàng bán	11	27	228.355.526.004	164.186.571.876
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>56.155.356.090</b>	<b>33.412.613.977</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	527.983.680	150.905.827
Chi phí tài chính	22	29	2.877.018.286	875.924.405
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.660.161.310</i>	<i>714.715.361</i>
Chi phí bán hàng	25	30	9.062.777.811	6.788.220.822
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	12.761.167.173	10.621.256.697
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>31.982.376.500</b>	<b>15.278.117.880</b>
Thu nhập khác	31	31	43.938.298	468.538.658
Chi phí khác	32	32	2.080.963.528	544.599.327
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(2.037.025.230)</b>	<b>(76.060.669)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>29.945.351.270</b>	<b>15.202.057.211</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	6.221.666.877	2.190.424.263
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>23.723.684.393</b>	<b>13.011.632.948</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	6.461	3.370
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	35	3.493	1.821

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Vĩnh San San

Lê Vĩnh San San

Lưu Tiến Cáo

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	268.837.978.642	225.618.789.259
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(215.859.520.966)	(188.706.931.465)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(29.122.938.931)	(25.775.237.894)
Tiền lãi vay đã trả	04	(2.613.832.922)	(734.924.002)
Thuế TNDN đã nộp	05	(4.670.344.814)	(2.145.041.335)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	652.854.179	2.982.800.599
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17.774.005.237)	(14.991.814.167)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(549.810.049)</b>	<b>(3.752.359.005)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.434.267.229)	(1.985.299.933)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.381.160.949	-
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.163.000.000)	(4.550.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.573.500.000	4.161.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.608.067	93.364.699
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10.626.998.213)</b>	<b>(2.280.935.234)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	182.130.438.803	122.680.194.613
Tiền trả nợ gốc vay	34	(167.071.436.831)	(108.308.170.751)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.477.750.000)	(4.190.147.020)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>9.581.251.972</b>	<b>10.181.876.842</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1.595.556.290)</b>	<b>4.148.582.603</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>8.942.179.095</b>	<b>4.779.988.534</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(23.291.495)	13.607.958
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>7.323.331.310</b>	<b>8.942.179.095</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Vĩnh San San

Lê Vĩnh San San

Lưu Tiến Cáo

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Merufa, tiền thân là Xí nghiệp Cao su Y tế - trực thuộc Bộ Y tế được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478598 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2003, và đăng ký thay đổi lần thứ 7 cấp ngày 05/01/2018.

Công ty có trụ sở và chi nhánh như sau:

- Trụ sở chính: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà máy sản xuất: Lô C64/II, đường số 8, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Merufa tại Hà Nội: Số 1 ngõ 120, Đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 36.754.040.000 đồng, chia thành 3.675.404 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 05/12/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 985/QĐ-SGDHN và Thông báo 159/TB-SDGHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Merufa trên thị trường UPCoM với số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 3.675.404 cổ phiếu. Ngày giao dịch đầu tiên trên sàn UPCoM là ngày 12/12/2017.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021, Đại hội Cổ đông đã thông qua việc chuyển giao dịch cổ phiếu Công ty từ UPCoM lên sàn giao dịch tại HNX. Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục liên quan.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2021 là 190 người (tại 31/12/2020 là 176 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

**1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Sản xuất và mua bán các sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại... dùng trong y tế, trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình;
- Dụng cụ dùng cho ngành thú y, chăn nuôi (không sản xuất nhựa, cao su, kim loại trong khu dân cư tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Mua bán vật tư các loại, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại; kinh doanh bất động sản; sản xuất, mua bán mỹ phẩm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất găng tay y tế, bao cao su và các dụng cụ y tế bằng cao su khác. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là ngắn ngày và quay vòng liên tục nhiều lần trong năm.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là các sản phẩm cao su dùng trong y tế. Công ty có rất nhiều đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực cung cấp dụng cụ y tế bằng cao su. Theo đó, giá thị trường của các sản phẩm này biến động sẽ ảnh hưởng đến doanh thu cũng như là số lượng khách hàng, ngoài ra các chính sách chương trình khuyến mãi về giá, chính sách giá và việc thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp của Công ty sẽ ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Công ty.

**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty có 01 chi nhánh là Chi nhánh Công ty Cổ phần Merufa tại Hà Nội.

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỶ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh Sài Gòn.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào và bán ra chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hoặc tỷ giá của Ngân hàng nơi doanh nghiệp giao dịch thường xuyên nhất.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**4.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Phần mềm quản lý	03 - 05

**4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản và công cụ dụng cụ có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

**4.8 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... sẽ được hạch toán vào chi phí tài chính.

**4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

**4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

*Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn*

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu và niên độ kế toán hiện hành.

**4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế của hoạt động thương mại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.14 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty được trình bày chi tiết tại các thuyết minh bên dưới.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	101.016.243	226.012.739
Tiền gửi ngân hàng	7.222.315.067	8.716.166.356
<b>Cộng</b>	<b>7.323.331.310</b>	<b>8.942.179.095</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Số 38 Trường Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>32.646.247.123</b>	<b>(327.317.862)</b>	<b>18.042.179.867</b>	<b>(848.941.231)</b>
- Bệnh viện Quân y 175/BQP	1.349.144.358	-	429.157.800	-
- Bệnh viện Nhân dân Gia Định	1.813.077.000	-	162.412.000	-
- Bệnh viện Nhân dân 115	1.533.549.000	-	90.072.000	-
- Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Y Tế Hồng Phúc	1.335.387.900	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế An Phú	397.425.000	-	334.600.000	(90.090.000)
- Bệnh Viện Đại Học Y Hà Nội	-	-	942.487.008	-
- Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	-	-	789.600.002	-
- Bệnh viện Bình Dân	1.390.471.000	-	108.360.000	-
- Bệnh Viện Bạch Mai	649.917.100	-	2.510.584.500	(77.726.250)
- Công ty TNHH Trang Thiết bị Y tế Đức Ân	1.007.246.000	(134.336.250)	-	-
- Bệnh viện trung ương quân đội 108	1.046.176.950	-	641.277.000	-
- Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế Quang Trung	374.262.000	-	161.568.400	-
- Công ty Cổ phần Đông Nam Á - Việt Nam	-	-	749.700.000	-
- Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang	896.912.100	-	579.297.600	-
- Bệnh viện Thống Nhất	89.040.000	-	541.275.000	-
- Ông Nguyễn Thanh Hải	-	-	1.128.660.000	(564.330.000)
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	20.763.638.715	(182.397.612)	8.873.128.557	(116.794.981)
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>1.226.464.300</b>	<b>(1.226.464.300)</b>	<b>14.884.300</b>	<b>(14.884.300)</b>
- Công ty TNHH Thiết bị Y tế Tân Hoàng Hải	4.836.300	(4.836.300)	4.836.300	(4.836.300)
- Công ty TNHH CVP Cường Vinh Phát	52.920.000	(52.920.000)	-	-
- Công ty TNHH Dược Vật tư y tế Rạng Đông Pharma	10.048.000	(10.048.000)	10.048.000	(10.048.000)
- Ông Nguyễn Thanh Hải	1.158.660.000	(1.158.660.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>33.872.711.423</b>	<b>(1.553.782.162)</b>	<b>18.057.064.167</b>	<b>(863.825.531)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>7.167.815.199</b>	-	<b>27.974.633.729</b>	-
- Công ty TNHH Gu Bang	2.406.600.000	-	-	-
- Công ty TNHH Cao su Việt Hà	2.256.187.500	-	-	-
- Công ty TNHH Trang Thiết bị Vật tư Y tế 736	-	-	496.125.000	-
- THAI EASTERNRUBBER CO., LTD	-	-	286.844.040	-
- SRI TRANG AGRO INDUSTRY PUBLIC CO., LTD	-	-	600.888.960	-
- TOP GLOVE SDN. BHD	185.328.000	-	24.487.185.800	-
- Trả trước cho người bán khác ngắn hạn	2.319.699.699	-	2.103.589.929	-
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>51.960.000</b>	<b>(51.960.000)</b>	<b>51.960.000</b>	<b>(51.960.000)</b>
- Cửa hàng Thuận Trí	21.960.000	(21.960.000)	21.960.000	(21.960.000)
- Công ty TNHH SX TMDV Nguyễn Khôi	30.000.000	(30.000.000)	30.000.000	(30.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>7.219.775.199</b>	<b>(51.960.000)</b>	<b>28.026.593.729</b>	<b>(51.960.000)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Số 38 Trường Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>43.500.000</b>	-	<b>456.000.000</b>	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiết bị Y tế Minh Tâm	-	-	456.000.000	-
- Lê Thị Hương	5.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Thanh Bình	22.000.000	-	-	-
- Ông Dương Văn Nhân	16.500.000	-	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	<b>61.000.000</b>	-
- Ông Đỗ Thông Thái	-	-	18.000.000	-
- Ông Nguyễn Thanh Bình	-	-	38.000.000	-
- Ông Dương Văn Nhân	-	-	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>43.500.000</b>	-	<b>517.000.000</b>	-

Phải thu là các bên liên quan thuyết minh tại mục 37.4

**9. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.361.320.857</b>	<b>(4.932.000)</b>	<b>998.814.015</b>	<b>(4.932.000)</b>
- Ký quỹ ký cược ngắn hạn	8.154.450	(4.932.000)	8.154.450	(4.932.000)
- Lãi dự thu	-	-	1.424.877	-
- Phải thu cán bộ công nhân viên (*)	2.100.146.090	-	-	-
- Phải thu khác	253.020.317	-	989.234.688	-
<b>Dài hạn</b>	<b>251.486.794</b>	-	<b>76.000.000</b>	-
- Ký quỹ ký cược dài hạn	251.486.794	-	76.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.612.807.651</b>	<b>(4.932.000)</b>	<b>1.074.814.015</b>	<b>(4.932.000)</b>

(\*) Theo Quyết định số 52/NQ-HĐQT ngày 27/08/2021 của Hội đồng quản trị quyết định thu hồi lại khoản tiền đã chi thường trong năm 2021 cho Cán bộ công nhân viên số tiền 1.826.213.970 đồng và Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và Ban thư ký số tiền 273.932.120 đồng đã chi thường chưa đúng quy định. Đây là tiền thường do hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***10. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	7.456.888.149	-	397.611.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	44.506.135.539	(2.411.250.604)	23.334.195.540	(234.064.040)
Công cụ, dụng cụ	1.672.260.466	-	1.975.873.631	-
Thành phẩm	11.427.760.910	(127.879.088)	11.695.153.366	(338.594.431)
Hàng hoá	29.823.487	-	7.123.330	-
<b>Cộng</b>	<b>65.092.868.551</b>	<b>(2.539.129.692)</b>	<b>37.409.956.867</b>	<b>(572.658.471)</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>739.195.377</b>	<b>-</b>	<b>739.195.377</b>	<b>151.866.248</b>
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	723.120.110	-	723.120.110	1.155.541
- Chi phí sửa chữa tài sản	16.075.267	-	16.075.267	21.801.210
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	-	-	128.909.497
<b>Dài hạn</b>	<b>3.233.897.201</b>	<b>-</b>	<b>3.233.897.201</b>	<b>1.493.322.885</b>
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	770.578.765	-	770.578.765	1.127.490.554
- Chi phí sửa chữa tài sản	432.471.393	-	432.471.393	284.504.416
- Chênh lệch giữa giá bán và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý rồi thuê lại	1.325.001.425	-	1.325.001.425	-
- Quyền sử dụng đất 02 căn hộ 38 Trương Quốc Dung (*)	685.470.756	-	685.470.756	-
- Chi phí khác	20.374.862	-	20.374.862	81.327.915
<b>Cộng</b>	<b>3.973.092.578</b>	<b>-</b>	<b>3.973.092.578</b>	<b>1.645.189.133</b>

(\*) Đây là Quyền sử dụng đất 02 căn hộ chung cư tại tòa nhà 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Số 38 Trường Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2021	28.637.560.028	46.903.362.616	1.842.976.637	1.050.905.813	78.434.805.094
- Mua sắm TSCĐ	-	1.577.818.182	-	-	1.577.818.182
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	12.831.927.702	-	-	12.831.927.702
- Thanh lý TSCĐ	-	(20.778.080.744)	-	-	(20.778.080.744)
Tại 31/12/2021	28.637.560.028	40.535.027.756	1.842.976.637	1.050.905.813	72.066.470.234
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2021	(19.947.977.782)	(36.590.183.239)	(1.016.409.376)	(1.050.905.813)	(58.605.476.210)
- Khấu hao trong năm	(1.271.058.720)	(2.801.881.626)	(130.438.224)	-	(4.203.378.570)
- Thanh lý TSCĐ	-	8.698.668.411	-	-	8.698.668.411
Tại 31/12/2021	(21.219.036.502)	(30.693.396.454)	(1.146.847.600)	(1.050.905.813)	(54.110.186.369)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2021	8.689.582.246	10.313.179.377	826.567.261	-	19.829.328.884
Tại 31/12/2021	7.418.523.526	9.841.631.302	696.129.037	-	17.956.283.865

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 25.854.978.044 đồng (Tại ngày 31/12/2020 là 30.227.467.640 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2021	13.215.786.658	52.861.000	13.268.647.658
Tại 31/12/2021	13.215.786.658	52.861.000	13.268.647.658
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Tại 01/01/2021	(2.911.900.082)	(52.861.000)	(2.964.761.082)
- Khấu hao trong kỳ	(383.993.796)	-	(383.993.796)
Tại 31/12/2021	(3.295.893.878)	(52.861.000)	(3.348.754.878)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2021	10.303.886.576	-	10.303.886.576
Tại 31/12/2021	9.919.892.780	-	9.919.892.780

(\*) Quyền sử dụng đất khu công nghiệp Vĩnh Lộc A được Công ty thế chấp cho khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng vay số 0126/SGN.KHDN/LD21 ngày 26/4/2021.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 9.919.892.780 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 52.861.000 đồng (tại 31/12/2020 là 52.861.000 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

- Quyền sử dụng đất 02 căn hộ 38 Trương Quốc Dung
- Nhà xưởng sản xuất Condoms mới
- Nhà 6 tầng 138 Nguyễn Văn Trỗi
- Đại tu Dây chuyền nhúng Găng PT số 02
- Dây chuyền nhúng Găng kiểm tra
- Đại tu Dây chuyền nhúng Condom số 2
- Đại tu Dây chuyền nhúng Găng số 3
- Cải tạo phòng QC
- Hệ thống PCCC
- Nhà xưởng Kho Đông Thành - Hóc Môn
- Dây chuyền sản xuất Găng kiểm tra (GKT-02)

**Cộng**

	Tại 31/12/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
	-	736.246.368
	-	434.127.237
	64.712.511	64.712.511
	-	45.500.000
	-	2.712.691.051
	-	94.426.495
	-	68.285.245
	-	31.300.000
	-	272.687.180
	-	112.000
	7.775.384.550	-
	<b>7.840.097.061</b>	<b>4.460.088.087</b>

**15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2021				Tại 01/01/2021			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	196.800.000	-	1.745.180.500	196.800.000	-	674.351.300	-	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	196.800.000	-	1.745.180.500	196.800.000	-	674.351.300	-	-
- Công ty Cổ phần SAM holdings (*)	196.800.000	-	1.745.180.500	196.800.000	-	674.351.300	-	-
<b>Cộng</b>	<b>196.800.000</b>	-	<b>1.745.180.500</b>	<b>196.800.000</b>	-	<b>674.351.300</b>	-	-

(\*) Tại ngày 31/12/2021, Công ty đang nắm giữ 67.774 cổ phiếu Công ty Cổ phần SAM holdings, chiếm tỷ lệ sở hữu 0.26%.

Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần SAM holdings có giá trị 25.750 đồng/Cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**16. TÀI SẢN THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
<b>Tại 01/01/2021</b>	-	-
- Thuê tài chính trong năm	8.774.339.702	8.774.339.702
<b>Tại 31/12/2021</b>	<b>8.774.339.702</b>	<b>8.774.339.702</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
<b>Tại 01/01/2021</b>	-	-
- Khấu hao trong năm	(146.238.995)	(146.238.995)
<b>Tại 31/12/2021</b>	<b>(146.238.995)</b>	<b>(146.238.995)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
<b>Tại 01/01/2021</b>	-	-
<b>Tại 31/12/2021</b>	<b>8.628.100.707</b>	<b>8.628.100.707</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.780.637.416</b>	<b>1.562.224.157</b>
- Lương nghỉ phép	255.612.000	193.342.724
- Chi phí hoa hồng chiết khấu	2.353.246.778	1.235.894.142
- Lãi vay dự trả	64.347.941	12.591.686
- Chi phí phải trả khác	107.430.697	120.395.605
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.780.637.416</b>	<b>1.562.224.157</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 31/12/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>540.892.480</b>	<b>513.730.906</b>
- Phải trả cổ tức	380.189.577	358.498.802
- Tài sản giữ hộ nhà nước	84.686.320	84.686.320
- Bảo hiểm xã hội trả thay lương	41.635.500	40.062.300
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.381.083	30.483.484
<b>Dài hạn</b>	<b>499.970.469</b>	<b>453.970.469</b>
- Nhận cầm cố, ký quỹ, ký cược	499.970.469	453.970.469
<b>Cộng</b>	<b>1.040.862.949</b>	<b>967.701.375</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Số 38 Trường Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>4.982.760.130</b>	<b>4.982.760.130</b>	<b>2.931.694.624</b>	<b>2.931.694.624</b>
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí	-	-	326.040.000	326.040.000
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất Thiên Anh Thư	402.595.000	402.595.000	267.390.000	267.390.000
- Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Giấy Hùng Tuấn	779.062.350	779.062.350	761.666.290	761.666.290
- Công ty CP Bao Bì Tín Thành (BATICO)	132.945.491	132.945.491	814.351.259	814.351.259
- Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An	1.077.681.000	1.077.681.000	-	-
- Công ty TNHH Bao bì Tháo Việt	589.195.684	589.195.684	-	-
- Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn khác	2.001.280.605	2.001.280.605	762.247.075	762.247.075
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>4.982.760.130</b>	<b>4.982.760.130</b>	<b>2.931.694.624</b>	<b>2.931.694.624</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>127.996.219</b>	<b>127.996.219</b>	<b>80.275.758</b>	<b>80.275.758</b>
- Mua hàng hóa, dịch vụ	127.996.219	127.996.219	80.275.758	80.275.758

## 20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>2.436.076.766</b>	<b>16.042.925.007</b>
- Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Vũ	809.457.600	2.315.667.000
- Công ty TNHH Trang thiết bị Đức Ân	-	3.067.367.750
- Công ty TNHH Dolphin Vũng tàu	554.400.000	489.024.000
- Công ty TNHH MTV Trang thiết bị Vật tư Y tế Hiền Lâm Minh	-	453.200.000
- SJ Corporation	-	6.487.648.200
- Công ty TNHH Thiết bị y tế và Hoá chất Hoàng Phương	-	1.338.855.000
- Công ty TNHH ORCHID CHEM VN	-	19.500.000
- ALLIANCE GLOVES	739.622.400	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	332.596.766	1.871.663.057
<b>Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.436.076.766</b>	<b>16.042.925.007</b>

## 21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	8.870.168.306	8.870.168.306	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	727.691.092	6.221.666.877	4.670.344.814	2.279.013.155
- Thuế thu nhập cá nhân	496.448.113	1.058.165.557	1.227.602.974	327.010.696
- Thuế xuất nhập khẩu	-	4.678.161	4.678.161	-
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	19.081.856	19.081.856	-
- Các loại thuế khác	-	4.333.659	4.333.659	-
<b>Cộng</b>	<b>1.224.139.205</b>	<b>16.178.094.416</b>	<b>14.796.209.770</b>	<b>2.606.023.851</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Số 38 Trường Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2021		Trong năm		Tại 01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng VND
	<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>32.115.744.960</b>	<b>32.115.744.960</b>	<b>179.413.012.341</b>	<b>165.914.486.309</b>	<b>18.617.218.928</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Sài Gòn (*)	30.915.744.960	30.915.744.960	178.213.012.341	165.914.486.309	18.617.218.928	18.617.218.928
<b>Vay dài hạn đến hạn thanh toán</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Sài Gòn (**)	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	-
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>5.698.954.542</b>	<b>5.698.954.542</b>	<b>3.917.426.462</b>	<b>2.345.000.000</b>	<b>4.126.528.080</b>	<b>4.126.528.080</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Sài Gòn (**)	5.698.954.542	5.698.954.542	3.917.426.462	2.345.000.000	4.126.528.080	4.126.528.080
<b>c. Nợ thuê tài chính</b>	<b>6.142.037.791</b>	<b>6.142.037.791</b>	<b>8.774.339.702</b>	<b>2.632.301.911</b>	-	-
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (***)	6.142.037.791	6.142.037.791	8.774.339.702	2.632.301.911	-	-
<b>Cộng</b>	<b>43.956.737.293</b>	<b>43.956.737.293</b>	<b>192.104.778.505</b>	<b>170.891.788.220</b>	<b>22.743.747.008</b>	<b>22.743.747.008</b>

**Các khoản nợ thuê tài chính**

Thời hạn	Năm 2021		Năm 2020	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Trả tiền lãi thuê
- Từ 1 năm trở xuống	2.526.563.805	420.722.277	2.105.841.528	-
- Trên 1 đến 5 năm	4.356.338.106	320.141.843	4.036.196.263	-
<b>Cộng</b>	<b>6.882.901.911</b>	<b>740.864.120</b>	<b>6.142.037.791</b>	-

(\*) Đây là khoản vay Ngân hàng Ngoại Thương Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng cấp tín dụng số 0126/SGN.KHDN/LD21 ngày 26/4/2021. Cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 85.000.000.000 đồng; trong đó, hạn mức tín dụng ngắn hạn: 70.000.000.000 đồng
- Mục đích vay ngắn hạn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay ngắn hạn: 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- Lãi suất: theo từng lần giải ngân;
- Tài sản đảm bảo bao gồm: Bất động sản bao gồm quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất tại thửa đất số 61, Tờ bản đồ số 50, địa chỉ Lô C64/II, đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.

(\*\*) Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng cấp tín dụng số 0126/SGN.KHDN/LD21 ngày 26/4/2021. Cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng trung dài hạn: 15.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn trung dài hạn thực hiện Dự án Đầu tư dây chuyền sản xuất găng kiểm tra;
- Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân;
- Lãi suất: trong 2 năm đầu kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên bằng sản lãi suất cho vay (kỳ hạn áp dụng lãi suất cố định 2 năm) theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân đầu tiên; trong thời gian còn lại áp dụng mức lãi suất cho vay thông thường theo quy định lãi suất cho vay trung dài hạn của Ngân hàng trong từng thời kỳ tương ứng với kỳ hạn của toàn bộ thời gian vay;
- Tài sản đảm bảo bao gồm: Bất động sản bao gồm quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất tại thửa đất số 61, Tờ bản đồ số 50, địa chỉ Lô C64/II, đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.

(\*\*\*) Đây là khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng thuê tài chính số C211030102 ngày 19/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Merufa và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để thanh toán tiền mua lại tài sản là Dây chuyền nhúng tạo hình găng kiểm tra GKT-01 với lãi suất thả nổi, biên độ 2,63% ± lãi suất tiêu chuẩn được áp dụng cách tính lãi suất tiền gửi có cho khách hàng cá nhân có kỳ hạn 13 tháng, lãi nhận cuối kỳ của ba Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**23.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam - CTCP	16,16%	5.940.000.000	16,16%	5.940.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	13,94%	5.125.000.000	11,31%	4.158.000.000
Bà Trần Nguyễn Thanh Mai	10,62%	3.905.000.000	10,62%	3.905.000.000
Ông Lâm Quốc Trung	6,59%	2.421.300.000	0,00%	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	0,00%	-	6,59%	2.421.300.000
Ông Vũ Văn Minh	4,04%	1.485.000.000	4,04%	1.485.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thúy	0,49%	179.000.000	0,49%	179.000.000
Ông Phạm Kim Hải	2,72%	1.000.000.000	3,68%	1.353.000.000
Ông Phạm Xuân Mai	3,14%	1.154.750.000	3,14%	1.154.750.000
Ông Lưu Tiến Cáo	0,30%	111.380.000	0,30%	111.380.000
Ông Bùi Minh Tuấn	0,62%	226.850.000	0,62%	226.850.000
Ông Hoàng Hữu Phước	0,15%	55.000.000	0,15%	55.000.000
Các cổ đông khác	41,12%	15.112.760.000	42,79%	15.726.760.000
Cổ phiếu quỹ	0,10%	38.000.000	0,10%	38.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>36.754.040.000</b>	<b>100%</b>	<b>36.754.040.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****23.2 BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế		Cộng
	VND	VND					VND	VND	
<b>Tại 01/01/2020</b>	<b>36.754.040.000</b>	<b>1.252.024.500</b>	<b>1.715.574.214</b>	<b>(38.000.000)</b>	<b>22.718.440.068</b>	<b>9.154.171.469</b>	<b>71.556.250.251</b>		
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	13.011.632.948	13.011.632.948		
- Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	-	(4.405.924.800)	(4.405.924.800)		
- Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi năm 2019	-	-	-	-	-	(1.714.384.939)	(1.714.384.939)		
- Trích quỹ HĐQT năm 2019	-	-	366.166.858	-	-	(366.166.858)	-		
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	457.708.573	(457.708.573)	-		
- Giảm trong năm	-	-	(663.854.816)	-	-	-	(663.854.816)		
<b>Tại 31/12/2020</b>	<b>36.754.040.000</b>	<b>1.252.024.500</b>	<b>1.417.886.256</b>	<b>(38.000.000)</b>	<b>23.176.148.641</b>	<b>15.221.619.247</b>	<b>77.783.718.644</b>		
<b>Tại 01/01/2021</b>	<b>36.754.040.000</b>	<b>1.252.024.500</b>	<b>1.417.886.256</b>	<b>(38.000.000)</b>	<b>23.176.148.641</b>	<b>15.221.619.247</b>	<b>77.783.718.644</b>		
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	23.723.684.393	23.723.684.393		
- Chia cổ tức năm 2020 (*)	-	-	-	-	-	(5.507.406.000)	(5.507.406.000)		
- Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi năm 2020 (*)	-	-	-	-	-	(2.739.511.289)	(2.739.511.289)		
- Trích quỹ HĐQT năm 2020 (*)	-	-	1.339.445.467	-	-	(1.339.445.467)	-		
- Tăng trong năm (**)	-	-	-	-	-	2.100.146.254	2.100.146.254		
- Giảm trong năm	-	-	(862.952.620)	-	-	-	(862.952.620)		
<b>Tại 31/12/2021</b>	<b>36.754.040.000</b>	<b>1.252.024.500</b>	<b>1.894.379.103</b>	<b>(38.000.000)</b>	<b>23.176.148.641</b>	<b>31.459.087.138</b>	<b>94.497.679.382</b>		

(\*) Công ty thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2020 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2021.

(\*\*) Công ty thu lại khoản thưởng kinh doanh vượt Lợi nhuận kế hoạch năm 2020 cho Ban điều hành và Cán bộ công nhân viên do chi sai quy định theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 27/08/2021. Khoản phải thu này sẽ được Công ty xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông xử lý trong cuộc họp thường niên năm 2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**23.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		*
- Vốn góp đầu năm	36.754.040.000	36.754.040.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	36.754.040.000	36.754.040.000
Lợi nhuận đã phân phối	5.507.406.000	4.405.924.800

**23.4 CỔ PHIẾU**

	Tại 31/12/2021 Cổ phiếu	Tại 01/01/2021 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	3.675.404	3.675.404
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	3.675.404	3.675.404
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	3.675.404	3.675.404
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.800	3.800
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	3.800	3.800
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.671.604	3.671.604
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	3.671.604	3.671.604
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**23.5 CÁC QUỸ THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Tại 31/12/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.176.148.641	23.176.148.641
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.894.379.103	1.417.886.256
- <i>Quỹ hỗ trợ kinh doanh</i>	943.231.540	713.203.463
- <i>Quỹ chính sách xã hội</i>	624.306.849	634.306.849
- <i>Quỹ Hội đồng quản trị</i>	326.840.714	70.375.944
<b>Cộng</b>	<b>25.070.527.744</b>	<b>24.594.034.897</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Tài sản nhận giữ hộ**

	<u>Tại 31/12/2021</u>	<u>Tại 01/01/2021</u>
- Thành phẩm đã bán cho khách hàng		
+ Găng Phẫu Thuật tiệt trùng số 6.5 SC (220)	11.700	-
+ Găng Phẫu Thuật tiệt trùng số 6.5 (STDM 185)	-	50.600
+ Găng Phẫu Thuật tiệt trùng số 7 (STDM 185)	-	37.800
+ Găng Phẫu Thuật tiệt trùng số 7.5 (STDM 185)	-	21.950
+ Găng kiểm tra dùng trong y tế size S (4.0)	45.900	5.000
+ Găng kiểm tra không bột dùng trong y tế size M (4.0)	50.000	121.500
+ Condom BTP size 52 đã KTĐT (Trần)	-	1.300.000
+ Găng kiểm tra dùng trong y tế size S (4.0) NT	-	1.645.500
+ Găng kiểm tra dùng trong y tế size M (4.0) NT	-	1.020.000
+ Găng tay kiểm tra Nitrile size S	-	9.500
+ Găng Phẫu Thuật tiệt trùng số 6.5 (STDM 220)	-	19.200
+ Găng Phẫu Thuật tiệt trùng số 7 (STDM 220)	-	4.500
+ Găng Phẫu Thuật tiệt trùng số 7.5 (STDM 220)	-	26.700
+ Găng Phẫu Thuật tiệt trùng số 7 SS (220)	57.900	-
+ Găng Phẫu Thuật tiệt trùng số 7.5 SS (220)	86.200	-
+ Găng PT tiệt trùng không bột số 7.5 SS	600	-
+ Găng Phẫu Thuật tiệt trùng số 6.5 SC (185)	54.900	-
+ Găng Phẫu Thuật tiệt trùng số 7 SS (185)	40.200	-
+ Găng Phẫu Thuật tiệt trùng số 7.5 SS (185)	27.400	-
+ Găng y tế AI số 7 SS	17.000	-
+ Găng sản khoa đã tiệt trùng ( Peel down)	-	104
+ Bao cao su BUSS, ko hộp, không mùi, size 52	110.000	-
+ Bao cao su foil bạc, không hộp, mùi dâu, size 52	2.508.000	2.508.000
+ Bao cao su Happy Night ko mùi, hộp 5, size 53	608.000	1.460.000
+ Bao cao su Happy Night mùi dâu, hộp 5, size 53	2.809.000	3.178.000
+ Gel siêu âm (5l)	68	-
- Tài sản cố định của Công ty Big Lis Industrial Co., Ltd nhận giữ hộ:	9.600	9.600
	USD	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**b) Ngoại tệ các loại**

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	VND tương đương	Nguyên tệ	VND tương đương	Nguyên tệ
<b>Ngoại tệ các loại</b>				
Đô la Mỹ (USD)	2.023.149.809	89.480,31	4.140.048.992	179.728,03

**25. DOANH THU BÁN HÀNG**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>284.974.232.094</b>	<b>197.825.665.853</b>
- Doanh thu bán hàng	282.114.821.398	196.474.204.126
- Doanh thu cho thuê tài sản và gia công	2.859.410.696	1.351.461.727
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**26. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hàng bán bị trả lại	463.350.000	226.480.000
<b>Cộng</b>	<b>463.350.000</b>	<b>226.480.000</b>

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hàng bán	225.389.410.030	164.146.744.585
Giá vốn dịch vụ	598.658.188	-
Giá vốn hàng đã trích lập dự phòng	71.961.644	28.885.362
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.315.361.240	32.840.751
Hoàn nhập dự phòng	(19.865.098)	(21.898.822)
<b>Cộng</b>	<b>228.355.526.004</b>	<b>164.186.571.876</b>

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	14.183.190	83.940.261
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	513.800.490	63.311.608
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	3.653.958
<b>Cộng</b>	<b>527.983.680</b>	<b>150.905.827</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	2.660.161.310	714.715.361
Chi phí tài chính khác	25.000.000	7.272.727
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	168.565.481	153.936.317
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	23.291.495	-
<b>Cộng</b>	<b>2.877.018.286</b>	<b>875.924.405</b>

**30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>13.123.832.404</b>	<b>10.621.256.697</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	7.877.769.088	6.054.023.282
- Chi phí vật liệu quản lý	219.022.375	150.330.057
- Chi phí đồ dùng văn phòng	254.348.021	272.977.013
- Chi phí khấu hao TSCĐ	912.162.214	978.661.951
- Thuế, phí và lệ phí	203.435.657	187.064.156
- Chi phí dự phòng	1.052.621.862	625.415.311
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.635.432.480	1.460.043.956
- Chi phí bằng tiền khác	969.040.707	892.740.971
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>9.062.777.811</b>	<b>6.788.220.822</b>
- Chi phí nhân viên bán hàng	3.690.172.172	2.750.094.589
- Chi phí vật liệu, bao bì	84.397.129	98.379.357
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	22.155.303	43.306.801
- Chi phí khấu hao TSCĐ	34.825.135	34.854.948
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.083.977.114	2.462.055.798
- Chi phí bằng tiền khác	2.147.250.958	1.399.529.329
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(362.665.231)</b>	<b>-</b>
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(362.665.231)	-

**31. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thanh lý vật tư	14.263.371	3.636.364
Lãi từ thanh lý Tài sản cố định	-	76.818.182
Thu tiền phạt do vi phạm hợp đồng	17.600.000	355.600.000
Thu nhập khác	12.074.927	32.484.112
<b>Cộng</b>	<b>43.938.298</b>	<b>468.538.658</b>

**32. CHI PHÍ KHÁC**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí khấu hao tài sản ngừng hoạt động	472.648.454	245.346.475
Chi phí phân bổ trong thời gian ngừng sản xuất	65.012.573	46.185.387
Phạt vi phạm hành chính, bồi thường	668.533	67.952.473
Xử lý khoản ứng trước tiền cho nhà cung cấp	-	88.000.000
Xử lý xóa công nợ phải thu	-	86.195.495
Lỗi từ thanh lý TSCĐ (*)	954.278.582	-
Xử lý chi phí XD/CB tồn đọng lâu năm	528.665.732	-
Chi phí khác	59.689.654	10.919.497
<b>Cộng</b>	<b>2.080.963.528</b>	<b>544.599.327</b>

(\*) Trong năm, Công ty thanh lý một số tài sản cố định có nguyên giá là 20.778.080.744 đồng, giá trị còn lại tại thời điểm thanh lý là 12.080.275.077 đồng, trong đó, giá trị còn lại của tài sản thuê tài chính được theo dõi trên chi phí trả trước là 1.364.157.806 đồng. Tổng thu nhập phát sinh và các tài sản thu hồi khác từ nghiệp vụ thanh lý nói trên là 9.761.838.689 đồng.

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>29.945.351.270</b>	<b>15.202.057.211</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập tính</b>	<b>1.162.983.114</b>	<b>443.830.377</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	1.162.983.114	447.484.335
- Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ CCDC trong thời gian tạm ngừng sản xuất	524.092.452	291.531.862
- Xử lý chi phí XD/CB tồn đọng	528.665.732	-
- Phạt vi phạm hành chính	459.858	67.952.473
- Xử lý công nợ	-	88.000.000
- Chi phí không được trừ khác	82.834.262	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ cuối năm trước	3.639.315	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ cuối năm	23.291.495	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(3.653.958)
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ cuối năm	-	(3.639.315)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ cuối năm trước chuyển sang	-	(14.643)
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>31.108.334.384</b>	<b>15.645.887.588</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>6.221.666.877</b>	<b>3.129.177.518</b>
Số thuế TNDN được giảm 30% theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	-	938.753.255
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>6.221.666.877</b>	<b>2.190.424.263</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	23.723.684.393	13.011.632.948
Số điều chỉnh tăng, giảm (VND)	-	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(639.365.035)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	23.723.684.393	12.372.267.913
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	3.671.604	3.671.604
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>6.461</b>	<b>3.370</b>

(\*) Trong năm 2021, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2021 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 và theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 27/08/2021, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2020 với giá trị là 639.365.035 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2020 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là 3.370 đồng/cổ phiếu (lãi cơ bản trên cổ phiếu trước điều chỉnh là 3.260 đồng/cổ phiếu).

Ngoài ra, Công ty chưa lên kế hoạch trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Vì vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2021 chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi.

**35. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	23.723.684.393	13.011.632.948
Số điều chỉnh tăng, giảm (VND)	-	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(639.365.035)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	23.723.684.393	12.372.267.913
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	3.671.604	3.671.604
Số cổ phiếu Công ty dự định phát hành (*)	3.120.862	3.120.862
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>3.493</b>	<b>1.821</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2020 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021, Công ty sẽ thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% trên mệnh giá và phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 100:70. Vì vậy, tổng số cổ phiếu phổ thông Công ty dự kiến phát hành thêm để chia cổ tức và thưởng lần lượt là 550.740 cổ phiếu và 2.570.122 cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	36.389.409.634	28.300.346.383
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	175.403.661.881	133.084.908.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.260.962.907	4.291.240.753
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	1.415.733.708	636.357.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.580.571.129	11.494.801.030
Chi phí bằng tiền khác	3.816.401.166	2.849.105.038
<b>Cộng</b>	<b>233.866.740.425</b>	<b>180.656.758.944</b>

**37. THÔNG TIN KHÁC**

**37.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**37.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**37.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**37.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

**Mối quan hệ với các bên liên quan**

<b><u>Đối tượng</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiết bị Y tế Minh Tâm	Công ty có cùng người đại diện pháp luật
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty có cùng thành viên HĐQT là ông Bùi Minh Tuấn

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiết bị Y tế Minh Tâm</b>		
- Cho vay	2.000.000.000	4.500.000.000
- Thu hồi tiền cho vay	2.456.000.000	4.044.000.000
- Lãi cho vay	12.449.439	78.568.767
<b>Công ty Cổ phần Transimex</b>		
- Mua hàng hóa, dịch vụ	1.061.718.443	451.003.469



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**37.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

<u>Số dư với các bên liên quan</u>	<u>Tại 31/12/2021</u>	<u>Tại 01/01/2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải thu về cho vay</b>	-	<b>456.000.000</b>
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiết bị Y tế Minh Tâm	-	456.000.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>358.559.018</b>	<b>1.424.877</b>
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiết bị Y tế Minh Tâm	-	1.424.877
- Ông Lưu Tiến Cào	163.104.481	-
- Ông Hoàng Hữu Phước	104.404.365	-
- Bà Lê Vĩnh San San	91.050.172	-
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>	<b>127.996.219</b>	<b>80.275.758</b>
- Công ty Cổ phần Transimex	127.996.219	80.275.758

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Thu nhập của Hội đồng Quản trị	333.000.000	380.000.000
Trong đó		
+ Ông Vũ Văn Minh	82.000.000	54.000.000
+ Ông Lưu Tiến Cào	54.000.000	54.000.000
+ Ông Phạm Xuân Mai	18.000.000	54.000.000
+ Ông Phạm Kim Hải	26.500.000	54.000.000
+ Bà Trần Thị Thanh Thúy	26.500.000	54.000.000
+ Ông Bùi Minh Tuấn	54.000.000	54.000.000
+ Ông Hoàng Minh Dũng	36.000.000	15.000.000
+ Ông Vũ Chinh	36.000.000	15.000.000
- Thu nhập của Ban Kiểm soát	111.200.000	135.800.000
- Thu nhập của Ban Quản lý dự án (các thành viên của HĐQT, BKS, Ban TGD và Kế toán trưởng)	144.905.993	28.800.000
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	2.017.984.442	1.944.693.252
Trong đó		
+ Ông Lưu Tiến Cào	853.398.745	811.234.469
+ Ông Hoàng Hữu Phước	635.212.615	595.740.747
+ Bà Lê Vĩnh San San	529.373.082	537.718.036

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán. Như được nêu tại mục 34 và 35 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2020	Năm 2020
		đã kiểm toán	sau điều chỉnh
		VND/cổ phiếu	VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	3.260	3.370
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	35	3.260	1.821

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Vĩnh San San

Lê Vĩnh San San

Lưu Tiến Cảo

